

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Quyền.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử V án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 356/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa V án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đ; địa chỉ tạm trú: Tổ 2, khu phố B, phường K, thị xã U, tỉnh B; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Thôn 6, xã E, huyện K, tỉnh Đ; địa chỉ tạm trú: Tổ 2, khu phố B, phường K, thị xã U, tỉnh B; Vắng mặt.

NỘI DUNG V ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lưu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn vào ngày 19-7-2005 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất hòa, tình cảm không thể hàn gắn. Ông T không còn quan tâm đến gia đình,

hay bạo hành bà B. Trong suốt thời gian chung sống, bà B luôn cố gắng hàn gắn để gìn giữ tổ ấm, gia đình hai B nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên bà B yêu cầu ly hôn với ông T.

+ *Về con chung*: Có hai con chung tên Hoàng Việt V, sinh ngày 20/8/1999 và Hoàng Quang V1, sinh ngày 06/01/2006. Con chung Hoàng Việt V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Lưu Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Quang V1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà B rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hoàng Văn T đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý V án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Thành không tham gia trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết V án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung V án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị B, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lưu Thị B được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

+ Về con chung: Giao con chung Hoàng Quang V1, sinh ngày 06/01/2006 cho bà Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà B rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con định kỳ, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dưỡng. Đây là ý chí tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà B.

+ Vấn đề tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ V án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của bị đơn - ông Lê Tấn Thành đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông Thành vắng mặt

không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung V án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị B và ông Hoàng Văn T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 19/7/2005 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà B yêu cầu ly hôn với ông T do bất đồng quan điểm, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế và ông T thường có lời nói xúc phạm bà B. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T tham gia tố tụng nhưng ông T không tham gia và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà B, chứng tỏ, ông T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như gìn giữ hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Hoàng Việt V, sinh ngày 20/8/1999 và Hoàng Quang V1, sinh ngày 06/01/2006. Con chung Hoàng Việt V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Lưu Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Quang V1. Xét thấy, cháu V1 đang sống với bà B ổn định và cháu V1 có nguyện vọng được sống cùng bà B. Do đó, việc bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà B rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con định kỳ. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà B nên Hội đồng xét xử định chỉ giải quyết yêu cầu này.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lưu Thị B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, Điểm c Khoản 1 Điều 217, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B cấp dưỡng nuôi con định kỳ 5.000.000 đồng/tháng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị B về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Hoàng Văn T.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị B được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

2.2. Về con chung: Giao con chung tên Hoàng Quang V1, sinh ngày 06/01/2006 cho bà Lưu Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà Lưu Thị B và ông Hoàng Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lưu Thị B phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051832 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Lưu Thị B không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc